

Số: 838 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-ĐHNT ngày 07/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc thành lập Hội đồng xây dựng Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý môi trường và sức khỏe nghề nghiệp trình độ đại học (thuộc ngành Kỹ thuật môi trường);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học và Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành **Quản lý môi trường và an toàn vệ sinh lao động** (thuộc ngành Kỹ thuật môi trường, mã số: 7520320).

Điều 2. Giao Viện Công nghệ sinh học và Môi trường quản lý chương trình đào tạo này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo và các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTĐH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Pi Trung



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 838 /QĐ-ĐHNT ngày 18 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a) Đơn vị được giao quản lý	Viện Công nghệ sinh học và Môi trường
b) Tên chương trình	Kỹ thuật Môi trường
c) Ngành đào tạo	Kỹ thuật Môi trường Chuyên ngành 1: Kỹ thuật Môi trường Chuyên ngành 2: Quản lý Môi trường và An toàn vệ sinh lao động
d) Mã số ngành đào tạo	7520320
e) Trình độ đào tạo	Đại học
f) Hình thức đào tạo	Chính quy
g) Thời gian đào tạo	4,5 năm
h) Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
i) Tên văn bằng tốt nghiệp	Kỹ sư Kỹ thuật môi trường Chuyên ngành 1: Kỹ thuật Môi trường Chuyên ngành 2: Quản lý Môi trường và An toàn vệ sinh lao động
j) Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	Tháng 7/2022

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1 Mục tiêu của chương trình đào tạo

1. PEO1: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;
2. PEO2: Có kiến thức chuyên môn và năng lực xử lý các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; đáp ứng các yêu cầu thực tế bao gồm thiết kế, thi công, vận hành hệ thống xử lý môi trường; phân tích, quan trắc, đánh giá tác động môi trường; triển khai, giám sát các hoạt động đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động; tư vấn và thực hiện các dự án và dịch vụ môi trường;
3. PEO3: Có năng lực phân tích, đánh giá rủi ro, tác hại tiềm ẩn đối với môi trường và an toàn sức khỏe con người trong các điều kiện cụ thể; xây dựng hồ sơ và triển khai các hoạt động quản lý đáp ứng hệ thống pháp luật trong nước và quốc tế về môi trường và an toàn sức khỏe lao động;
4. PEO4: Có năng lực tự học, suy nghĩ độc lập, sáng tạo và kỹ năng lãnh đạo nhằm phát hiện, phân tích, nghiên cứu các vấn đề thực tiễn, tổ chức thực hiện các giải pháp trong lĩnh vực chuyên môn;

2.2 Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)

Mục tiêu giáo dục của Trường	Mục tiêu của CTĐT			
	PEO1	PEO2	PEO3	PEO4
EO1: Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe	x			x
EO2: Kiến thức nền tảng, thực tế và chuyên sâu về nghề nghiệp	x	x	x	x
EO3: Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp	x	x	x	x
EO4: Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ		x	x	x
EO5: Tinh thần lập nghiệp, khả năng sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp				x

III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường, sinh viên có khả năng:

1. PLO1: Có lập trường chính trị tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;
2. PLO2: Áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo;
3. PLO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;
4. PLO4: Tính toán, thiết kế, thi công và vận hành các hệ thống xử lý môi trường;
5. PLO5: Thực hiện thành thạo các kỹ thuật phân tích môi trường; phân tích dữ liệu, làm báo cáo đánh giá tác động môi trường; triển khai có hiệu quả các giải pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động;
6. PLO6: Tư vấn, xây dựng hồ sơ liên quan đến lĩnh vực môi trường và an toàn sức khỏe lao động, đáp ứng hệ thống pháp luật trong nước và quốc tế;
7. PLO7: Đánh giá được rủi ro, tác hại của các dự án đối với môi trường và của điều kiện làm việc đến an toàn sức khỏe người lao động;
8. PLO8: Đánh giá và chọn lựa được công nghệ tiên tiến phù hợp với tình hình thực tế theo hướng thân thiện với môi trường, đảm bảo sức khỏe người lao động và cộng đồng;
9. PLO9: Nghiên cứu tìm giải pháp mới trong việc giải quyết các vấn đề chuyên môn;
10. PLO10: Tổ chức các hoạt động để phổ biến và nâng cao nhận thức về môi trường và sức khỏe cho cộng đồng.

3.2 Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra – PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	x	x	x							x
2		x	x	x	x	x	x	x	x	x
3						x	x	x	x	x
4		x	x					x	x	x

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- Bộ phận chuyên trách về môi trường, quản lý an toàn, vệ sinh lao động của khu công nghiệp, công ty, doanh nghiệp, và phân xưởng sản xuất, thi công;
- Bộ phận kỹ thuật hoặc chăm sóc khách hàng của các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp, tư vấn thiết bị, hoá chất, vật tư môi trường, dịch vụ phân tích môi trường cũng như tư vấn, thiết kế, chế tạo thiết bị và hệ thống xử lý môi trường;
- Bộ phận nghiên cứu và đào tạo tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, các công ty tư vấn có chuyên ngành về môi trường và an toàn vệ sinh lao động;
- Bộ phận chuyên trách về môi trường và an toàn vệ sinh lao động tại các cơ quan quản lý cấp bộ, tỉnh, địa phương;
- Bộ phận chuyên môn của các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực môi trường và an toàn vệ sinh lao động.

V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

Thông tin tuyển sinh	- Hình thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT và các hình thức khác - Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước - Đối tượng tuyển sinh: thí sinh tốt nghiệp THPT
Điều kiện nhập học	Thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển vào trường theo quy định hiện hành
Quy định đào tạo	Chi tiết tại website: www.ntu.edu.vn
Điều kiện tốt nghiệp	Chi tiết tại website: www.ntu.edu.vn

VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Nội Dung	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I	Giáo dục tổng quát	64	38,8	56	33,9	8	4,8
1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật	22	13,3	18	10,9	4	2,4
2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường	23	13,9	21	12,7	2	1,2
3	Ngoại ngữ	8	4,8	8	4,8	0	0,0
4	Thể chất - Quốc phòng an ninh	11	6,7	9	5,5	2	1,2
II	Giáo dục chuyên nghiệp	101	61,2	86	52,1	15	9,1
1	Cơ sở ngành	40	24,2	34	20,6	6	3,6
2	Ngành	51	30,9	42	25,5	9	5,5
3	Tốt nghiệp	10	6,1	10	6,1	0	0,0
	Tổng cộng	165	100	142	86,1	23	13,9

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1 Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ									
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8	9	

TỔNG SỐ TÍN CHỈ																	
I	Giáo dục tổng quát			64													
I.1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật			22													
Các HP bắt buộc				18													
1	POL307	Triết học Mác – Lênin	3	45													
2	POL309	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30		1				2							
3	POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		1					2						
4	POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2,3						2					
5	POL310	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30		2,3							2				
6	SSH313	Pháp luật đại cương	2	30						2							
7	SSH378	Tư duy phản biện	3	45							3						
8	SSH379	Ngôn ngữ học thuật	2	30								2					
Các HP tự chọn				4						4*							
9	SSH221	Văn hóa Việt Nam	2	30								2*					
10	SSH381	Thường thức mỹ thuật	2	30								2*					
11	SSH383	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	30								2*					
12	BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	30								2*					
13	MKT372	Nhập môn Marketing	2	30								2*					
I.2	Toán, Tin học, Tự nhiên, CN&MT			23													
Các HP bắt buộc				21													

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ								
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8	9
14	MAT327	Toán 1	3	45				3								
15	MAT328	Toán 2	2	30					2							
16	MAT322	Xác suất - Thống kê	3	45		14				3						
17	CHE305	Hóa học đại cương A	3	45					3							
18	CHE372	Thực hành hóa học đại cương A	1		15		17		1							
19	BHY308	Vật lý đại cương 1	3	45				3								
20	BHY307	Thực hành vật lý đại cương 1	1		15		19	1								
21	BIO321	Sinh học đại cương B	2	30						2						
22	SOT303	Tin học đại cương A	3	30	15			3								
Các HP tự chọn								2*								
23	ENE334	Biến đổi khí hậu	2	30				2*								
24	ENE318	Môi trường và phát triển	2	30				2*								
I.3	Ngoại ngữ		8					4	4							
25	FLS314	Ngoại Ngữ 1	4	60				4								
26	FLS315	Ngoại Ngữ 2	4	60		25			4							
I.4	Giáo dục thể chất và QP-AN		11													
Các HP bắt buộc								1								
27	85065	Điện kinh	1					1								
28	QPAD011	Đường lối quốc phòng của ĐCSVN	3					8 ¹								
29	QPAD002	Công tác quốc phòng và an ninh	2													
30	QPAD033	Quân sự chung	1													
31	QPAD044	KT chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2													

¹ Nhóm học phần QP-AN được bố trí học tập trung thời gian ngắn từ học kỳ 1 - 4 (không tính vào số tín chỉ từng học kỳ).

Các HP tự chọn			2					I*	I*							
32	85097	Bóng đá	1					I*	I*							

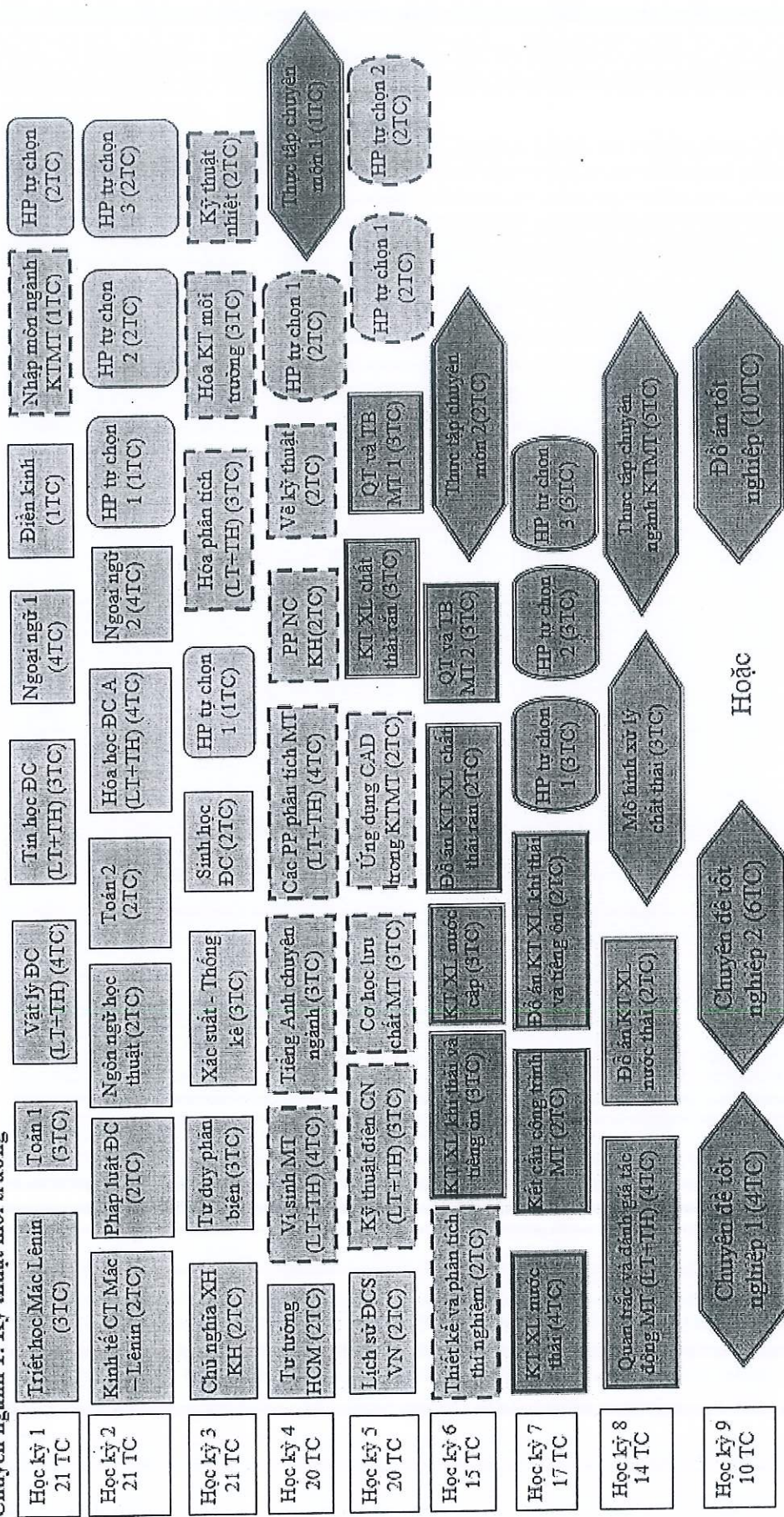
TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ									
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8	9	
33	85098	Bóng chuyền	1						I*								
34	85105	Cầu lông	1						I*								
35	85108	Taekwondo	1							I*							
36	85066	Bơi lội	1							I*							
37	85111	Aerobic	1							I*							
II	Giáo dục chuyên nghiệp			101													
II.1	Cơ sở ngành			40													
Các HP bắt buộc cho 2 chuyên ngành				27					1	8	13	3	2				
38		Nhập môn ngành KTMT	1	15					1								
39		Hóa phân tích	3	30	15	17				3							
40		Hóa kỹ thuật môi trường	3	45						3							
41		Vì sinh môi trường	4	45	15	21					4						
42		Tiếng Anh chuyên ngành	3	45		26					3						
43		Các phương pháp phân tích môi trường	4	30	30	39,40					4						
44		Cơ học lưu chất môi trường	3	45		19						3					
45		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30		7, 8					2						
46		Thiết kế và phân tích thí nghiệm	2	30		16							2				
47		Kỹ thuật nhiệt	2	30		19,20				2							
Các HP bắt buộc cho chuyên ngành 1				7							2	5					
48		Kỹ thuật điện công nghiệp	3	30	15	19,20						3					
49		Vẽ kỹ thuật	2	30							2						
50		Ứng dụng CAD trong KT môi trường	2	15	15	49						2					
Các HP bắt buộc cho chuyên ngành 2				7							3	4					
51		Sinh lý học và sức khỏe con người	3	45		21					3						
52		Phơi nhiễm nghề nghiệp	4	45	15	51						4					

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ								
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8	9
Các HP tự chọn (chung cho 2 chuyên ngành)																
53		Hóa sinh môi trường	2	30		21					2*	4*				
54		An toàn và vệ sinh lao động	2	30							2*	2*				
55		Kinh tế môi trường	2	30							2*					
56		Quản lý chất lượng môi trường	2	30								2*				
57		Công nghệ xanh	2	30								2*				
II.2 Kiến thức chuyên ngành																
61																
Các HP bắt buộc cho 2 chuyên ngành																
20																
58		Kỹ thuật xử lý nước thải	4	60		40,41,44					1	3	8	4	4	
59		Kỹ thuật xử lý khí thải và tiếng ồn	3	45		40,41,44							3			
60		Kỹ thuật xử lý chất thải rắn	3	45		40,41,44						3				
61		Kỹ thuật xử lý nước cấp	3	45		40,41,44							3			
62		Quan trắc và đ. giá tác động môi trường	4	45	15	43,44										
63		Thực tập chuyên môn 1	1		15					1						
64		Thực tập chuyên môn 2	2		30	60,63							2			
Các HP bắt buộc cho Chuyên ngành 1																
65		Quá trình và thiết bị môi trường 1	3	45		44						3	5	4	10	
66		Quá trình và thiết bị môi trường 2	3	45		41,44						3				
67		Kết cấu công trình môi trường	2	30										2		
68		Mô hình xử lý chất thải	3		45	58-61									3	
69		Đồ án kỹ thuật xử lý chất thải rắn	2	30		50,60							2			
70		Đồ án Kỹ thuật xử lý nước thải	2	30		50,58									2	
71		Đồ án KT xử lý khí thải và tiếng ồn	2	30		50,59								2		
72		Thực tập chuyên ngành KT môi trường	5		75	64									5	
Các HP bắt buộc cho Chuyên ngành 2																
22																
73		Pháp luật về an toàn vệ sinh lao động	3	45		6,7,8						3	5	4	10	

[illegible]

7.2. Lưu đồ đào tạo

Chuyên ngành 1: Kỹ thuật môi trường



Ghi chú: (1) Các biểu thị của hình dạng khung:

HP bắt buộc

HP tự chọn

T tập/TN

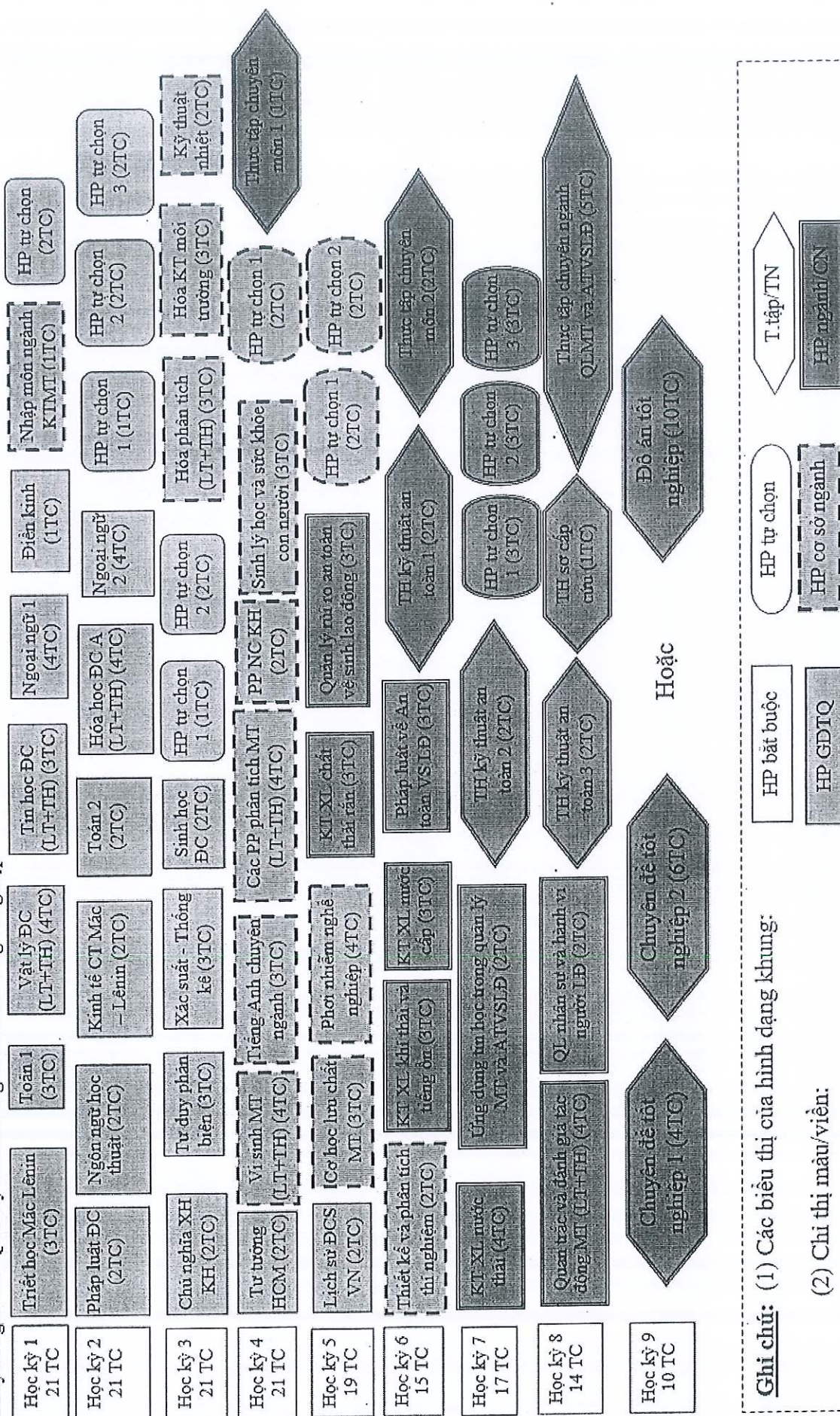
(2) Chi thị màu/viên:

HP GDTQ

HP cơ sở ngành

HP ngành/CN

Chuyên ngành 2: Quản lý môi trường và sức khỏe nghề nghiệp



7.3.3. Mặc trên thể hiện sự đồng lòng của Học phần để đạt được Chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mức tương thích với Chuẩn đầu ra										Tổng
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I Giáo dục tổng quát														
I.1 Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật														
Các HP bắt buộc														
1.		Triết học Mác – Lênin	3	M	I									I+M
2.		Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	M	I									I+M
3.		Chữ nghĩa xã hội khoa học	2	M	I									I+M
4.		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	M	I									I+M
5.		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	M	I									I+M
6.		Pháp luật đại cương	2	M	I									I+M
7.		Tư duy phản biện	3		R	M								R+M
8.		Ngôn ngữ học thuật	2		R	M								R+M
Các HP tự chọn														
9.		Văn hóa Việt Nam	2		x									x
10.		Thường thức mỹ thuật	2		x									x
11.		Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2		x									x
12.		Nhập môn Quản trị học	2		x									x
13.		Nhập môn Marketing	2		x									x
I.2 Khoa học tự nhiên và môi trường														
Các HP bắt buộc														
14.		Toán 1	3		M									M
15.		Toán 2	2		R									R
16.		Xác suất - Thống kê	3		M									M
17.		Hóa học đại cương A	3		M									M
18.		Thực hành hóa học đại cương A	1		M									M
19.		Vật lý đại cương 1	3		M									M
20.		Thực hành vật lý đại cương 1	1		M									M
21.		Sinh học đại cương B	2		R									R
22.		Tin học đại cương A	3		M									M
Các HP tự chọn														

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mức tương thích với Chuẩn đầu ra										Tổng
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
23.		Biến đổi khí hậu	2		x									x
24.		Môi trường và phát triển	2		x									x
I.3 Ngoại ngữ														
25.		Ngoại Ngữ 1	4		x	x								x
26.		Ngoại Ngữ 2	4		x	x								x
I.4 Giáo dục thể chất và QP-AN														
Các HP bắt buộc														
27.		Điền kinh	1	M										M
28.		Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3											
29.		Công tác quốc phòng và an ninh	2	M										M
30.		Quân sự chung	1											
31.		Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2											
Các HP tự chọn														
32.		Bóng đá	1	x										x
33.		Bóng chuyền	1	x										x
34.		Cầu lông	1	x										x
35.		Taekwondo	1	x										x
36.		Bơi lội	1	x										x
37.		Aerobic	1	x										x
II Giáo dục chuyên nghiệp														
II.1 Cơ sở ngành														
Các HP bắt buộc cho 2 chuyên ngành														
38.		Nhập môn ngành KTM	1				I	I	I					3I
39.		Hóa phân tích	3		R			M		R				2R+M
40.		Hóa kỹ thuật môi trường	3		R		M	M	R	R				4R+2M
41.		Vi sinh môi trường	3		R		M	M	R	R				5R+2M
42.		Tiếng Anh chuyên ngành	3			M	R	R	R	R			R	7R+1M
43.		Các phương pháp phân tích môi trường	4		R		M	M	R					2R+2M
44.		Cơ học lưu chất môi trường	3		R	R	M	M	R				R	4R+2M

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mức tương thích với Chuẩn đầu ra										Tổng
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
45.		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			M					R	M	R	2M+2R
46.		Thiết kế và phân tích thí nghiệm	2					R		R				2R
47.		Kỹ thuật nhiệt	2		R		R	R						3R
Các HP bắt buộc cho chuyên ngành 1														
48.		Kỹ thuật điện công nghiệp	3		R		R	R						3R
49.		Vẽ kỹ thuật	2				M		R					R+M
50.		Ứng dụng CAD trong kỹ thuật môi trường	2			R	M		R					2R+M
Các HP bắt buộc cho chuyên ngành 2														
51.		Sinh lý học và sức khỏe con người	3							R	I	R		I + 2R
52.		Phơi nhiễm nghề nghiệp	4						R	M	R	R		3R+1M
Các HP tự chọn (chung cho 2 chuyên ngành)														
53.		Hóa sinh môi trường	2		x		x							x
54.		An toàn vệ sinh lao động	2						x	x	x			x
55.		Kinh tế môi trường	2						x	x	x	x		x
56.		Quản lý chất lượng môi trường	2					x	x	x				x
57.		Công nghệ xanh	2						x		x	x	x	x
II.2 Kiến thức chuyên ngành														
Các HP bắt buộc cho 2 chuyên ngành														
58.		Kỹ thuật xử lý nước thải	4		R	R	M	R	R		M	R	R	6R+2M
59.		Kỹ thuật xử lý khí thải và tiếng ồn	3		R	R	M	R	R		M	R	R	6R+2M
60.		Kỹ thuật xử lý chất thải rắn	3		R	R	M	R	R		M	R	R	6R+2M
61.		Kỹ thuật xử lý nước cấp	3		R	R	M	R	R		M	R	R	6R+2M
62.		Quan trắc và đánh giá tác động môi trường	4		R	R	R	M	M		R		R	5R+3M
63.		Thực tập chuyên môn 1	1		I	I	R	I	I	I				5I+R
64.		Thực tập chuyên môn 2	2		R	R	M	R	R	R	I			I+5R+M
Các HP bắt buộc cho Chuyên ngành 1														
65.		Quá trình và thiết bị môi trường 1	3		R		M		R			R		3R+M
66.		Quá trình và thiết bị môi trường 2	3		R		M		R			R		3R+M
67.		Kết cấu công trình môi trường	2		R		R		R					3R

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mức tương thích với Chuẩn đầu ra										Tổng
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
68.		Mô hình xử lý chất thải	3		R	R	M	M	R		R	R		5R+2M
69.		Đồ án kỹ thuật xử lý chất thải rắn	2		R	R	M		R		M			3R+2M
70.		Đồ án Kỹ thuật xử lý nước thải	2		R	R	M		R		M			3R+2M
71.		Đồ án Kỹ thuật xử lý khí thải và tiếng ồn	2		R	R	M		R		M			3R+2M
72.		Thực tập chuyên ngành KTMT	5		R	R	M	M	R	M	R	R		5R+3M
Các HP bắt buộc cho Chuyên ngành 2														
73.		Pháp luật về VSATLĐ	3			R		I	R	R	I		M	2I+3R+M
74.		Quản lý rủi ro an toàn VSLEĐ	3						R	M	R	R	R	4R+1M
75.		Ứng dụng tin học trong quản lý môi trường và an toàn vệ sinh lao động	2						R	M	R	R		3R+1M
76.		Quản lý nhân sự và hành vi người lao động	2		R	R						R	M	3R+M
77.		Thực hành kỹ thuật an toàn 1 (điện, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt)	2					R		M	R			2R+1M
78.		T.hành kỹ thuật an toàn 2 (cháy nổ, hóa chất)	2					R		M	R			2R+1M
79.		Thực hành kỹ thuật an toàn 3 (xây dựng)	2					R		M	R			2R+1M
80.		Thực hành sơ cấp cứu	1					R		M	R			2R+1M
81.		Thực tập chuyên ngành QLMT&ATVSLĐ	5		R	R	M	M	R	M	R	R		5R+3M
Các HP tự chọn (áp dụng cho cả 2 chuyên ngành)														
82.		Sản xuất sạch hơn	3							x	x	x	x	x
83.		Mô hình hóa môi trường	3		x	x	x		x	x				x
84.		GIS trong quản lý môi trường	3		x	x	x		x	x				x
85.		Kỹ thuật xử lý ô nhiễm đất	3		x			x		x	x	x	x	x
86.		Hệ thống ISO về môi trường và AT lao động	3			x		x	x	x	x		x	x
87.		Mạng lưới cấp và thoát nước đô thị	3		x	x	x		x					x
II.3	Tốt nghiệp		10		M	M	M	M	M	M	M	R	M	2R+7M
		TỔNG		11M	71	11	11	31	21	11	31	19R	8R	18I+137R+79M
				8M	27R	16R	6R	13R	25R	8R	15R	1M	3M	

7.4 Cách thức đánh giá kết quả học tập

Theo quy chế đào tạo trình độ đại học và cao đẳng hiện hành của Trường Đại học Nha Trang.

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức 3 học kỳ, bao gồm hai học kỳ chính và một học kỳ phụ (học kỳ hè).

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học và Cố vấn học tập tư vấn sinh viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp.

IX. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN

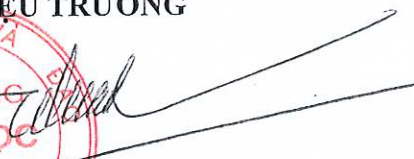
Trong quá trình thực hiện khoá học, sinh viên được hỗ trợ nhiều hoạt động từ Khoa/Viện, Bộ môn và Trung tâm Hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp, cụ thể:

- Tham quan thực tế các cơ sở sản xuất ngay sau khi nhập học;
- Ở ký túc xá nếu sinh viên có nhu cầu;
- Mượn và đọc tài liệu miễn phí; sử dụng wifi miễn phí trong toàn trường;
- Tham gia các hoạt động ngoại khoá, các hoạt động Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức; các CLB chuyên môn, kỹ năng mềm;
- Được sử dụng các dịch vụ khác như nước uống, căn tin, y tế....

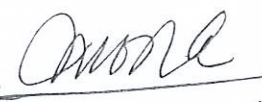
TRƯỞNG KHOA/VIỆN


 Ngô Thị Hoài Dương

HIỆU TRƯỞNG



 Trương Sĩ Trung

HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CTĐT


 Ngô Thị Hoài Dương

HĐ PHÁT TRIỂN CTĐT


 Quách Hoài Nam